

# Sản xuất, cung ứng hàng hóa và dịch vụ của khu vực công

Mai Hoàng Chương

Bài giảng này được phát triển từ bài giảng năm 2010 của thầy Vũ Thành Tự Anh

1

## Nội dung trình bày

- Hàng hóa công và hàng hóa tư
- Trách nhiệm cung cấp và tài trợ hàng hóa công
- Hàng hóa tư do nhà nước cung cấp
- Lựa chọn công
- Ví dụ về doanh nghiệp nhà nước

2

## Khái niệm về hàng hóa công

- Không tranh giành (non-rival)
  - Việc tiêu dùng hàng hóa của một cá nhân không làm giảm sự hiện diện hoặc lợi ích của hàng hóa đó đối với những người khác.
  - Chi phí biên để phục vụ thêm một người tiêu dùng không đáng kể.
- Không loại trừ (non-exclusive)
  - Không thể cản trở người khác tiêu dùng hoặc tiếp nhận lợi ích của hàng hóa, hoặc nếu có thể thì chi phí rất cao.

3

## Phân loại hàng hóa công

- Hàng hóa công thuần túy
  - Đủ cả hai thuộc tính không tranh giành và không loại trừ.
- Hàng hóa công không thuần túy
  - Thiếu một trong hai thuộc tính trên
- Tại sao hàng hóa công lại là một thất bại của thị trường?

4

## Phân loại hàng hóa công

|               |       | Tính tranh giành   |   |
|---------------|-------|--|---|
|               |       | Có   | Không   |
| Tính loại trừ | Có    | <b>Hàng hóa tư nhân</b><br>✓ Giáo dục, y tế, nước<br>✓ Thức ăn, quần áo<br>✓ Đường đông người có thu phí   | <b>Độc quyền tự nhiên</b><br>✓ Phòng cháy chữa cháy<br>✓ Truyền hình cáp<br>✓ Đường thưa người có thu phí |
|               | Không | <b>Nguồn lực cộng đồng</b><br>✓ Cá ở đại dương<br>✓ Bãi biển công cộng<br>✓ Đường đông người không thu phí | <b>Hàng hóa công cộng</b><br>✓ Quốc phòng<br>✓ Hải đăng, pháo hoa<br>✓ Đường thưa người không thu phí     |

5

## Hàng hóa công là thất bại thị trường.

- Hàng hóa công thường có lợi ích lớn hơn chi phí tạo ra. Do vậy về mặt xã hội đó là hàng hóa cần thiết được cung cấp.
- Nhưng với hai thuộc tính của hàng hóa công đã dẫn đến tình trạng người ăn theo.
- Và kết cục là tư nhân không đầu tư, hàng hóa công không tồn tại. Nghĩa là giải pháp thị trường bị thất bại đối với loại hàng hóa này

## Trách nhiệm cung cấp và tài trợ hàng hóa công

- Trách nhiệm cung cấp
  - Hàng hóa công có nhất thiết phải do khu vực công cung cấp?
  - Khu vực công có nhất thiết không được cung cấp hàng hóa tư?
- Trách nhiệm tài trợ
  - Hàng hóa công có nhất thiết phải do khu vực công tài trợ?
  - Khu vực công có nhất thiết không được tài trợ hàng hóa tư?

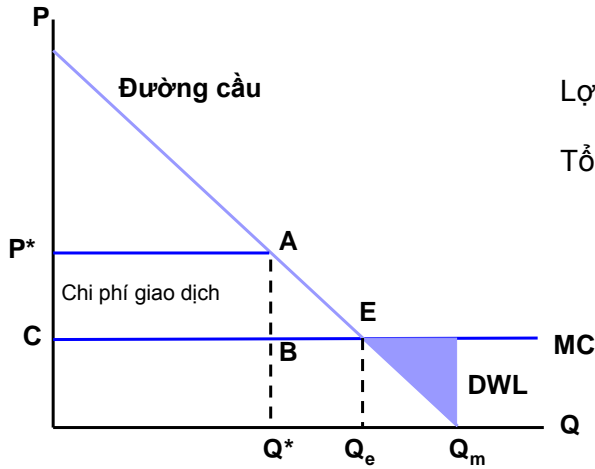
7

## Trách nhiệm cung cấp và tài trợ hàng hóa công

|         |                | Cung cấp  |   |
|---------|----------------|---|---|
|         |                | Công  | Tư  |
| Tài trợ | Công (thuế)    | Chính phủ vừa cung cấp dịch vụ, vừa tài trợ                   | Dịch vụ do tư nhân cung cấp với sự tài trợ của nhà nước |
|         | Tư (tự nguyện) | Mua dịch vụ do nhà nước bắt buộc hay do tổ chức công cung cấp | Mua dịch vụ từ nhà cung cấp tư nhân                     |

8

## Hàng hóa tự do nhà nước cung cấp và tài trợ

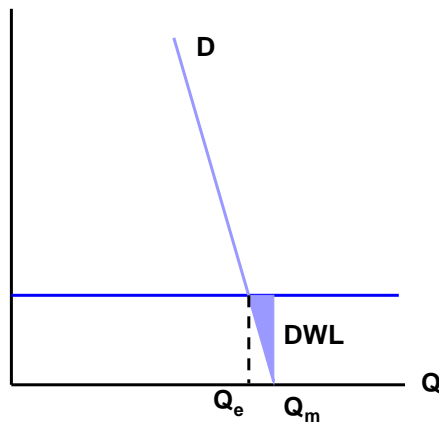


Lợi ích: AECP\*

Tổn thất: DWL +  
biến dạng do  
thuế gây ra

9

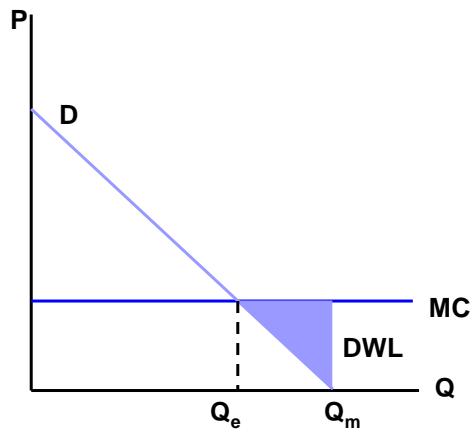
## Hàng hóa tự do nhà nước cung cấp và tài trợ



Cung ứng miễn phí  
hàng hóa có độ co  
giãn cầu thấp sẽ  
gây ít tổn thất phức  
lợi vô ích.

10

## Hàng hóa tự do nhà nước cung cấp và tài trợ



Cung ứng miễn phí hàng hóa có độ co giãn cầu cao sẽ gây nhiều tổn thất phúc lợi vô ích.

11

## Phương pháp phân phối hàng hóa do nhà nước cung cấp

- **Lệ phí**
  - Ưu điểm: Người sử dụng dịch vụ phải trả phí
  - Nhược điểm: Tiêu dùng dưới mức tối ưu và tăng chi phí giao dịch (quản lý hệ thống thu phí)
- **Cung cấp đồng loạt**
  - Ưu điểm: Tiết kiệm chi phí giao dịch
  - Nhược điểm: Một số người tiêu dùng quá ít, một số khác tiêu dùng quá nhiều
- **Xếp hàng**
  - Ưu điểm: Hàng hóa được phân phối không căn cứ vào mức sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng.
  - Nhược điểm: Có thể chỉ đến tay những người có nhiều thời gian; thời gian bị lãng phí

12

## Lý thuyết Lựa chọn Xã hội

- Nhằm đo lường và tổng hợp sở thích.
- Định giá Lindahl: luôn luôn xác định sản lượng có tính hiệu quả Pareto, nhưng có 3 vấn đề.
- Bỏ phiếu đa số: có thể hoặc không thể cho kết quả nhất quán.
  - Nếu thị hiếu đơn đỉnh, kết quả bỏ phiếu phản ánh thị hiếu của cử tri trung vị, nhưng thường không có tính hiệu quả Pareto.

13

## Lý thuyết Lựa chọn Công

- Chính phủ xem ra không hành động để tối đa hóa phúc lợi dân chúng
- → Thất bại chính phủ: không thể hoặc không sẵn lòng hành động vì quyền lợi của dân chúng.
- Nguyên nhân:
  - Bộ máy hành chính tối đa hóa quy mô
  - Lý thuyết “quái vật khổng lồ” (Leviathan)
  - Tham nhũng

14

## Bộ máy hành chính tối đa hóa quy mô

- Niskanen (1971) phát triển mô hình *viên chức tối đa hóa ngân sách*.
- Viên chức là người điều hành một cơ quan độc quyền cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ chính phủ.
- Lương thưởng của viên chức thường không liên quan đến hiệu quả, mà dựa vào quy mô của cơ quan viên chức.  
→ tối đa hóa quy mô và ngân sách cơ quan.
- Chính quyền cấp trên cố gắng chế ngự viên chức.

15

## Bộ máy hành chính tối đa hóa quy mô

- Câu hỏi then chốt:  
Hàng hóa và dịch vụ do ai (nhà nước hoặc tư nhân) cung ứng thì hiệu quả hơn?
- Hàng hóa và dịch vụ tư nhân thuần túy: tư nhân cung ứng thì hiệu quả hơn.  
→ *Tư nhân hóa* cải thiện hiệu quả rất nhiều.
- Độc quyền tự nhiên → *hợp đồng thuê ngoài* thông qua đấu thầu cạnh tranh.
- Hàng hóa xã hội: có ngoại tác → nhà nước cung ứng thì hiệu quả hơn?

16



## Lý thuyết “quái vật khổng lồ” (Leviathan)

- Brennan và Buchanan (1980) xem nhà nước nói chung là độc quyền ra sức tối đa hóa quy mô khu vực công.
- Quan điểm này giúp lý giải các quy tắc công khai ràng buộc quyền hành của chính phủ về thuế khóa và chi tiêu.

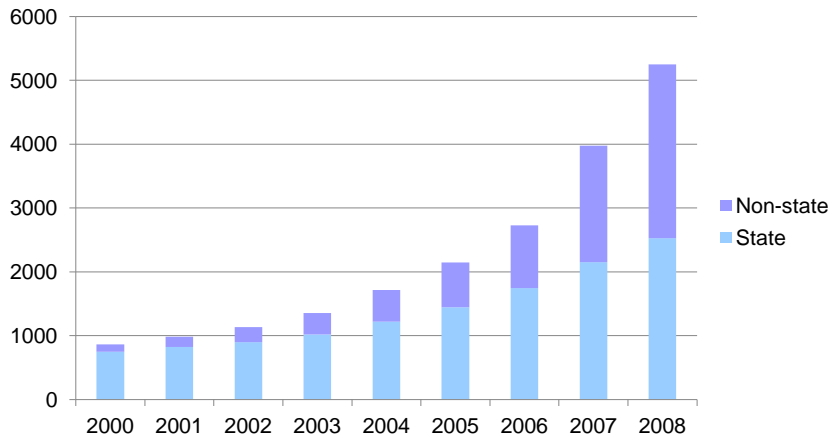
17

## Tham nhũng

- Sự lạm dụng quyền hạn của những quan chức chính phủ tìm cách tối đa hoá của cải cá nhân hoặc bè cánh của họ.
- Lord Acton (1887): “Quyền lực có khuynh hướng tham nhũng và quyền lực tuyệt đối tham nhũng một cách tuyệt đối”.
- Tham nhũng phổ biến ở những nơi trả lương thấp cho viên chức, và có nhiều thủ tục quan liêu.
- Cách duy nhất để kiểm soát tham nhũng là *trách nhiệm giải trình bầu cử* (electoral accountability).

18

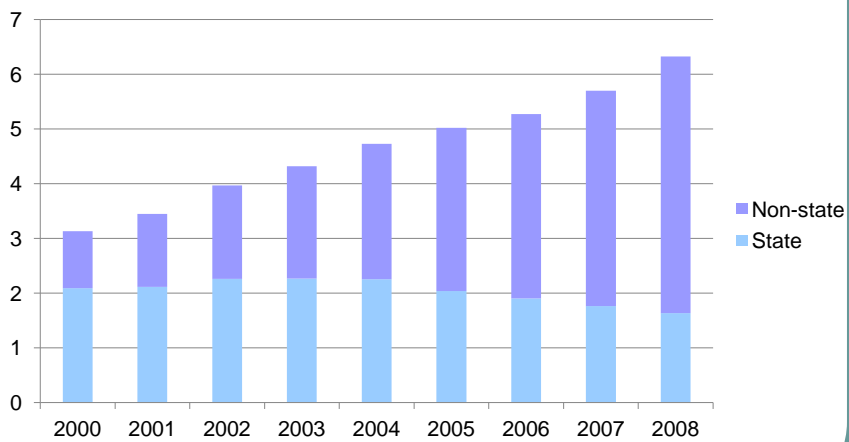
## Nguồn vốn (ĐVT: ngàn tỷ đồng)



Nguồn: TCTK. Số liệu doanh nghiệp năm 2000-2008.

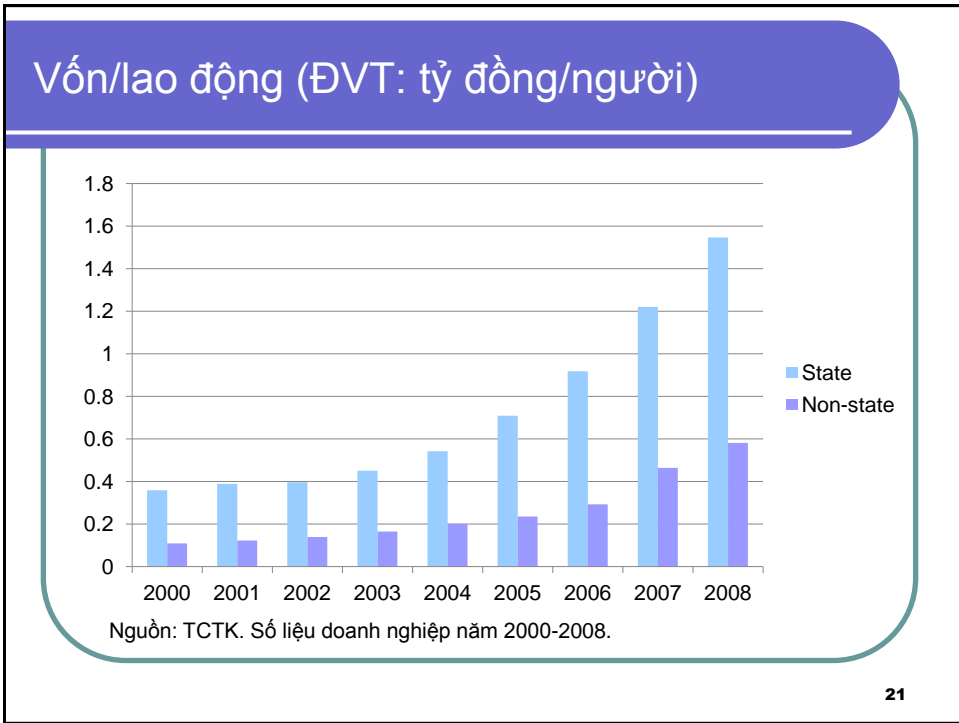
19

## Số lao động (ĐVT: triệu)

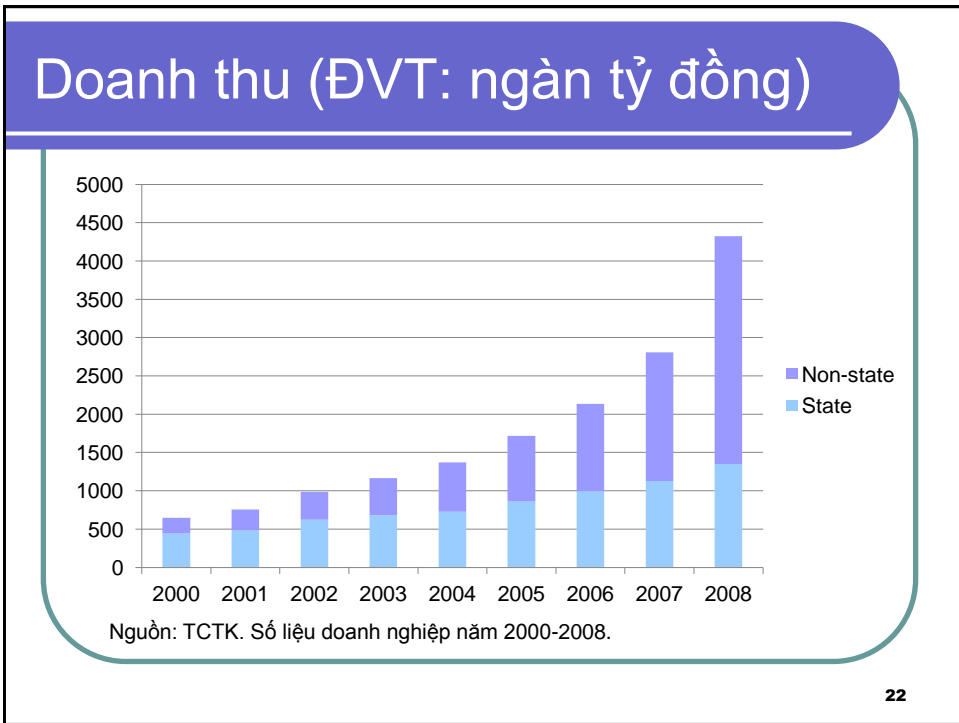


Nguồn: TCTK. Số liệu doanh nghiệp năm 2000-2008.

20

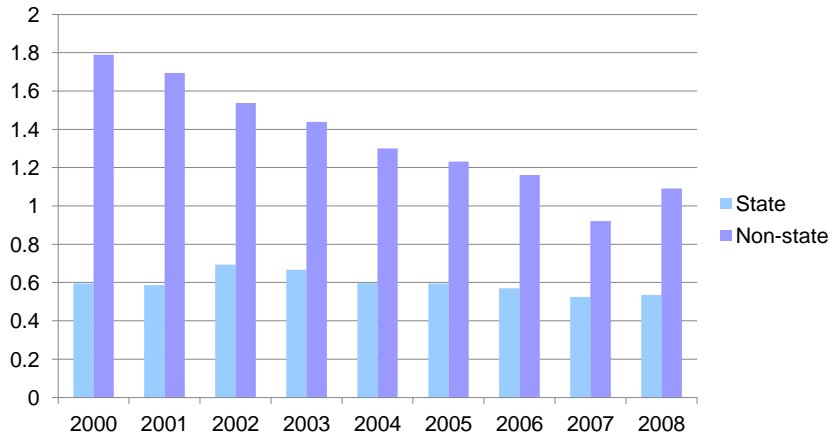


21



22

## Doanh thu/vốn



Nguồn: TCTK. Số liệu doanh nghiệp năm 2000-2008.